

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN L
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 229/2017/HSST
Ngày: 07/9/2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN L, TP. HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Minh Hồng, nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí

Bà Trần Thị Lân, nghề nghiệp: Giáo viên hưu trí

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Việt Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân quận L, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận L, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận L, thành phố Hà Nội, Tòa án nhân dân quận L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý 221/2017/TLST-HS ngày 15 tháng 8 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 248/2017/QĐ-HSST ngày 24.8.2017 đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN TRỌNG M - Sinh năm 1991; HKTT và nơi ở: Thôn Đ, xã Đ1, huyện Gi1, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 11/12; Con ông: Nguyễn Văn K; Con bà: Lê Thị Thanh Nh1; Vợ là Nguyễn Tuyết Th, có 01 con sinh năm 2015. TATS: Theo danh bản, chỉ bản số 334 ngày 02.6.2017 và Trích lục tiền án, tiền sự của Công an quận L lập và lý lịch địa phương cung cấp thì bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày: **30/5/2017**. (Có mặt).

2. LÊ TRƯỜNG GI - Sinh ngày 22/11/1999 (Tính đến ngày phạm tội được 17 tuổi 04 tháng 08 ngày); HKTT: Thôn Th1, xã Đ2, huyện K1, tỉnh Hưng Yên; Nơi ở trước khi bị bắt: Tổ 8 phường Th2 – quận L – Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 8/12; Con ông: Lê Xuân Đ3; Con bà: Vũ Thị Th3. TATS: Theo danh bản, chỉ bản số 252 ngày 02.4.2017 và Trích lục tiền án, tiền sự của Công an quận L lập và lý lịch địa phương cung cấp thì bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày: **30/3/2017**. (Có mặt).

3. HOÀNG THỊ NH - Sinh năm 1998; HKTT: Xóm Kh, xã V, huyện Đ4, tỉnh Thái Nguyên; Nơi ở trước khi bị bắt: Tổ 8 phường Th2 – quận L – Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 8/12; Dân tộc: h mông; Con ông: Hoàng Văn Ph và con bà Hoàng Thị T. TATS: Theo danh bản, chỉ bản số 251 ngày 02.4.2014 và Trích lục tiền án, tiền sự của Công an quận L lập và lý lịch địa phương cung cấp thì bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày: **30/3/2017**. (Có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Trường Gi*: Bà Đỗ Thị Hương, luật sư cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hà Nội. (Có mặt).

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Trường Gi*: Bà Vũ Thị Th3, sinh năm 1977. Địa chỉ: Thôn Th1, xã Đ2, huyện K1, tỉnh Hưng Yên. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 22h00 ngày 30/3/2017, tổ công tác công an phường C phối hợp với tổ công tác Đại đội 3 – Trung đoàn CSCĐ Công an thành phố Hà Nội làm nhiệm vụ tại khu vực đường B, phường Th2, quận L, TP. Hà Nội phát hiện bắt quả tang Hoàng Thị Nh và Lê Trường Gi có hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

Tang vật thu giữ: 01 (Một) túi nilon nhỏ màu trắng kích thước 5x10cm bên trong có chứa 04 (Bốn) viên nén hình tròn màu xanh; 03 (Ba) gói nilon kích thước 3x3cm bên trong có chứa tinh thể màu trắng. Ngoài ra còn tạm giữ của Hoàng Thị Nh 01(Một) điện thoại Iphone 6 màu ghi, sim số 0969010054; Tạm giữ của Lê Trường Gi 01 (Một) điện thoại Nokia 1280 màu xanh tím than, sim số 0981916375, 01 (Một) điện thoại Nokia 105 màu đen, sim số 0962493585, 01 (Một) xe máy Wave màu đen trắng, không đeo BKS.

Bản kết luận giám định số 2618 ngày 03/5/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội kết luận:

- 04 (Bốn) viên nén hình tròn màu xanh đều là ma túy loại MDMA, tổng trọng lượng: 1,305 gam.

- Tinh thể màu trắng bên trong 03 gói nilon đều là ma túy loại Ketamine, tổng trọng lượng: 2,390 gam.

Tại cơ quan điều tra các bị cáo khai nhận: Hoàng Thị Nh là bạn gái của Nguyễn Trọng M, còn Lê Trường Gi là nhân viên quán hát karaoke của Nguyễn Trọng M. Chiều ngày 28/3/2017, M ngồi tại quán nước khu vực phố S thì gặp một người đàn ông tên là H (M không biết nhân thân, lai lịch của H). Tại đây, M mua của H 04 viên ma túy tổng hợp (keo) và 03 (Ba) gói nilon ma túy Ketamine hết 5.500.000 đồng (Năm triệu, năm trăm ngàn đồng). Số ma túy này M định đem đi dự sinh nhật bạn nhưng do bạn của M không tổ chức sinh nhật nữa nên khoảng 17h ngày 30/3/2017 M mang số ma túy này về phòng trọ của Hoàng Thị Nh, dán vào phía bên phải tủ quần áo và bảo Nh: “Anh dán gói đồ (ý nói là ma túy) ở đây nhé, khi nào Gi hỏi thì đưa cho nó”. Nh biết đó là ma túy và đồng ý. Đến khoảng 20h cùng ngày, có 01 (Một) người đàn ông không quen biết gọi điện thoại từ số 01694610104 đến cho M hỏi mua ma túy của M. Qua trao đổi, M đồng ý bán cho người này số ma túy trên với giá 7.300.000 đồng (Bảy triệu ba trăm ngàn đồng) và hẹn giao ma túy tại khu vực trước cửa nhà nghỉ Đ5, đường B phường Th2, quận L, TP. Hà Nội. Sau đó M gọi điện cho Lê Trường Gi bảo Gi đi đến phòng trọ

của Nh để lấy số ma túy trên mang đến nhà nghỉ Đ5 giao cho khách và nhận số tiền 7.300.000 đồng (Bảy triệu ba trăm ngàn đồng) mang về cho M, đồng thời M cho Gi số điện thoại của người mua ma túy là 01694610104. Gi đồng ý. Khoảng 22h cùng ngày, Gi đi xe máy không đeo BKS của Gi đến phòng trọ của Nh và bảo Nh đưa số ma túy trên của M cho Gi. Nh mang số ma túy của M giao cho Gi thì Gi rủ Nh đi bán ma túy cùng Gi, Nh đồng ý. Sau đó Nh để số ma túy trên vào túi áo ngực Nh đang mặc và ngồi sau xe máy của Gi. Gi đèo Nh đi đến khu vực nhà nghỉ Đ5, đường B, phường Th2, quận L, TP. Hà Nội. Khi đến nơi, Gi dừng xe và gọi điện cho khách mua ma túy để bán. Cùng lúc này, lực lượng công an đến tiến hành kiểm tra, khi kiểm tra đã phát hiện, bắt giữ, đưa Nh và Gi cùng tang vật về trụ sở giải quyết.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã thu thập, cơ quan CSĐT – Công an quận L đã tiến hành khởi tố bị can đối với Gi, Nh, M, tạm giam đối với Gi và Nh, ra lệnh bắt tạm giam đối với Nguyễn Trọng M nhưng M bỏ trốn. Đến ngày 30/5/2017, M bị bắt theo quyết định truy nã.

Lời khai của Nguyễn Trọng M, Lê Trường Gi và Hoàng Thị Nh phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai nhân chứng có mặt tại hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập.

Đối với người đàn ông tên H bán ma túy cho M và người đàn ông gọi điện từ số điện thoại 01694610104 cho M để mua ma túy, do M khai không biết nhân thân lai lịch những người này. Kết quả xác minh về số điện thoại của người đàn ông mua ma túy nói trên, cơ quan CSĐT không làm rõ được tên, tuổi, địa chỉ của chủ thuê bao. Do vậy cơ quan CSĐT chưa làm rõ được hai đối tượng này. Cơ quan CSĐT tiếp tục điều tra, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với chiếc xe máy Wave màu đen trắng, không đeo BKS tạm giữ của Lê Trường Gi, kết quả điều tra xác định: Đăng kí xe mang tên Nguyễn Văn L1, sinh năm 1973, trú tại thôn Đ6, xã T1, huyện S2, TP. Hà Nội. Xe có BKS: 29S6-444.74. Hiện tại xe có SK:RLHHC1251FY031180, SM bị tẩy xóa. Anh L1 khai năm 2016 anh đã bán chiếc xe trên cho người đàn ông tên

Th4 (không rõ địa chỉ). Lê Trường Gi khai mua chiếc xe trên ở chợ xe máy cũ tại C1, quá trình sử dụng thì BKS của xe bị rơi mất, Gi chưa kịp làm lại, SM do ai tẩy xóa Gi không biết. Kết quả tra cứu: xe máy trên không có trong dữ liệu xe máy vật chứng.

Bản cáo trạng số: 230/CT-VKS ngày 15/8/2015 của Viện kiểm sát nhân dân quận L đã truy tố Nguyễn Trọng M, Lê Trường Gi và Hoàng Thị Nh về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Khoản 1 Điều 194 của Bộ Luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay thấy rằng: Hành vi của các bị cáo Nguyễn Trọng M, Lê Trường Gi và Hoàng Thị Nh đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại Khoản 1 Điều 194 Bộ Luật hình sự nên giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố với các bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 194; điểm p Khoản 1 Điều 46, Điều 33 của Bộ luật hình sự 1999 đối với bị cáo Nguyễn Trọng M, Hoàng Thị Nh và bị cáo Lê Trường Gi; Đối với bị cáo Gi áp dụng thêm Điều 69, Điều 74 BLHS 1999.

Về hình phạt:

- Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng M mức án từ 36 đến 40 tháng tù; Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng.

- Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Trường Gi mức án từ 18 đến 24 tháng tù; Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

- Đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Thị Nh mức án từ 26 đến 30 tháng tù; Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về tang vật:

- Đề nghị tịch thu tiêu hủy 1,305 gam ma túy loại MDMA và 2,390 gam ma túy loại Ketamine, tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (Một) điện thoại Nokia 1280 màu xanh tím than, sim số 0981916375 và tịch thu sung công

quỹ Nhà nước 01 (Một) xe máy Wave màu đen trắng, không đeo BKS thu giữ của Lê Trường Gi.

-Đề nghị trả lại bị cáo Nh 01 (Một) điện thoại Iphone 6 màu ghi, sim số 0969010054, trả lại cho bị cáo Gi 01 (Một) điện thoại Nokia 105 màu đen, sim số 0962493585.

Luật sư Đỗ Thị Hương bào chữa cho bị cáo Lê Trường Gi phát biểu: Bị cáo Gi khi phạm tội là người chưa thành niên nên còn hạn chế về mặt thể chất và tinh thần, chưa làm chủ được bản thân và bị Nguyễn Trọng M chủ mưu và sai khiến. Bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 và các Điều 69, Điều 74 BLHS để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Nói lời sau cùng, các bị cáo Nguyễn Trọng M, Lê Trường Gi và Hoàng Thị Nh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện, đầy đủ chứng cứ, lời khai của các bị cáo, ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát.

NHÂN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

- Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an quận L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên

tòa hôm nay, các bị cáo đã khai báo thành khẩn và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

- Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa là thống nhất và phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận L đã truy tố.

HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 22h ngày 30/3/2017, tại khu vực đường B, phường Th2, quận L, TP. Hà Nội, Lê Trường Gi và Hoàng Thị Nh có hành vi tàng trữ trái phép 1,305 gam ma túy loại MDMA và 2,390 gam ma túy loại Ketamine mục đích để đem đi bán nhằm kiếm lời nhưng chưa kịp bán thì bị tổ công tác công an phường C, quận L, TP. Hà Nội phối hợp với tổ công tác Đại đội 3 – Trung đoàn CSCĐ – Công an thành phố Hà Nội phát hiện bắt quả tang cùng tang vật. Đủ cơ sở xác định số lượng ma túy nêu trên là của Nguyễn Trọng M mua và sai bị cáo Gi đi giao cho khách và nhận tiền theo giao dịch trước đó qua điện thoại của M. Gi đồng ý và rủ thêm Nh đi giao ma túy cho M bằng xe máy của mình. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Trọng M, Lê Trường Gi và Hoàng Thị Nh đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, vi phạm Khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân quận L đã đưa ra các chứng cứ buộc tội và truy tố các bị cáo về tội: Mua bán trái phép chất ma túy theo Khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Trọng M, Lê Trường Gi và Hoàng Thị Nh là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy, tiếp tay cho các tệ nạn và các tội phạm về ma túy đang gia tăng trong xã hội, làm mất trật tự trị an xã hội.

Nhân thân của các bị cáo mặc dù chưa có tiền án, tiền sự, song xét về hành vi, tính chất mức độ nguy hiểm của tội phạm các bị cáo đã gây ra thấy cần phải áp dụng một hình phạt tù trong khung hình phạt cách ly các bị cáo

ra ngoài xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm. Đây là một vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo M là kẻ chủ mưu, là người trực tiếp mua và giao dịch bán ma túy qua điện thoại. Sau khi thấy công an biết được hành vi phạm tội của mình đã bỏ trốn, gây khó khăn cho quá trình điều tra vụ án nên đề mức án bị cáo M cao hơn so với bị cáo Gi và Nh là phù hợp. Bị cáo Gi và bị cáo Nh là hai người giúp sức, người thực hành tích cực. Bị cáo Gi đã dùng phương tiện để đi đến địa điểm trao đổi ma túy cho người mua còn bị cáo Nh cất giấu ma túy trong người để trao cho người mua. Đối với bị cáo Gi khi phạm tội còn ở độ tuổi chưa thành niên nên mức án thấp hơn so với bị cáo Nh và M như đề xuất của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ theo điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Ngoài ra đối với bị cáo Gi là người chưa thành niên phạm tội nên HĐXX áp dụng thêm Điều 69, Điều 74 BLHS 1999 đối với bị cáo khi lượng hình đảm bảo mức án của bị cáo theo chế định người chưa thành niên phạm tội.

Về hình phạt bổ sung như phạt tiền: Xét thấy các bị cáo đều không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là có căn cứ và phù hợp với pháp luật.

Về tang vật: HĐXX nhận định đề xuất xử lý tang vật của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp Điều 41 BLHS và điều 76 BLTTHS nên chấp nhận. Cụ thể, đối với số ma túy 1,305 gam ma túy loại MDMA và 2,390 gam ma túy loại Ketamine thu giữ là tang vật của vụ án cần tịch thu tiêu hủy. Chiếc xe máy Wave màu đen trắng, không đeo BKS thu giữ của Gi không nằm trong dữ liệu tang chứng vật chứng, là phương tiện phạm tội nên cần tịch sung công quỹ Nhà nước. Chiếc điện thoại Nokia

1280 màu xanh tím than, sim số 0981916375 thu giữ của Gi, đủ căn cứ Gi sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với chiếc điện thoại Iphone 6 màu ghi, sim số 0969010054 thu giữ của Nh và chiếc điện thoại Nokia 105 màu đen, sim số 0962493585 thu giữ của Gi không sử dụng vào việc phạm tội, là tài sản hợp pháp của các bị cáo nên trả lại cho các bị cáo.

Đối với người đàn ông tên H bán ma túy cho M và người đàn ông gọi điện từ số điện thoại 01694610104 cho M để mua ma túy, do M khai không biết nhân thân lai lịch những người này. Kết quả xác minh về số điện thoại của người đàn ông mua ma túy nói trên, cơ quan CSĐT không làm rõ được tên, tuổi, địa chỉ của chủ thuê bao. Do vậy cơ quan CSĐT chưa làm rõ được hai đối tượng này. Cơ quan CSĐT tiếp tục điều tra, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau nên HĐXX không xem xét, giải quyết trong bản án này.

- **Về án phí:** Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội;

Buộc bị cáo Nguyễn Trọng M, bị cáo Lê Trường Gi, bị cáo Hoàng Thị Nh, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí HSST. Các bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo Gi, người bào chữa cho bị cáo Gi có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo: **Nguyễn Trọng M, bị cáo Lê Trường Gi, bị cáo Hoàng Thị Nh** phạm tội **Mua bán trái phép chất ma túy**.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 194; điểm p Khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự,

- Áp dụng Điều 224 Bộ luật tố tụng hình sự;

Xử phạt: **Nguyễn Trọng M** 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/5/2017.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 194; điểm p Khoản 1 Điều 46; Điều 33, Điều 69, Điều 74 của Bộ luật hình sự,

- Áp dụng Điều 224 Bộ luật tố tụng hình sự;

Xử phạt: Lê Trường Gi 20 (Hai mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/3/2017.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 194; điểm p Khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự,

- Áp dụng Điều 224 Bộ luật tố tụng hình sự;

Xử phạt: Hoàng Thị Nh 32 (Ba mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/3/2017.

2. Về tang vật: Áp dụng Khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự, Điều 76 BLTTHS;

- Tịch thu tiêu hủy 1,305 gam ma túy loại MDMA và 2,390 gam ma túy loại Ketamine. (Hiện lưu giữ tại kho tang vật Công an quận L –Hà Nội theo phiếu nhập vật chứng ngày 31/7/2017).

-Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (Một) điện thoại Nokia 1280 màu xanh tím than, sim số 0981916375 và tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (Một) xe máy Wave màu đen trắng, không đeo BKS thu giữ của Lê Trường Gi. Trả lại bị cáo Nh 01 (Một) điện thoại Iphone 6 màu ghi, sim số 0969010054, trả lại cho bị cáo Gi 01 (Một) điện thoại Nokia 105 màu đen, sim số 0962493585. (Hiện có tại Chi cục Thi hành án dân sự quận L – Hà Nội theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/8/2017)

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Trọng M, bị cáo Lê Trường Gi, bị cáo Hoàng Thị Nh, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí HSST.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 231, 234 Bộ luật tố tụng hình sự:

Các bị cáo Nguyễn Trọng M, Lê Trường Gi và Hoàng Thị Nh, người đại diện hợp pháp và người bào chữa của bị cáo Lê Trường Gi đều có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn **15 (Mười lăm)** ngày kể từ ngày tòa tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.
- Viện kiểm sát nhân dân quận L.
- Thi hành án Dân sự quận L;
- Công an quận L;
- Các bị cáo, người đại diện hợp pháp, người bào chữa;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hằng

